

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025
của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật số 01/2021/QH15 ngày 12/11/2021 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê số 89/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1233/QĐ-TCTK ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao Kế hoạch công tác và điểm thi đua năm 2024 đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025 của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang gồm các ấn phẩm, chỉ tiêu thống kê công bố định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và các sản phẩm không thường xuyên do Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang biên soạn, phổ biến trong năm 2025.

Điều 2. Căn cứ Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025, các đơn vị thuộc Cục Thống kê xây dựng kế hoạch và thực hiện nghiêm túc việc biên soạn, phổ biến các thông tin thống kê thuộc lĩnh vực phụ trách, đảm bảo phổ biến

theo đúng thời gian quy định. Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Lịch phổ biến thông tin thống kê năm 2025 của Cục Thống kê, định kỳ hàng quý báo cáo Cục trưởng tình hình thực hiện.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Thống kê Tổng hợp, Trưởng phòng các phòng thuộc cơ quan Cục, Chi cục trưởng Chi cục Thống kê các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Vụ TKTH - TCTK;
- Lãnh đạo CTK;
- Các phòng nghiệp vụ;
- Chi cục Thống kê các huyện, TX, TP
- Lưu: VT; P.TH.

CỤC TRƯỞNG

Trần Thị Mỹ Hạnh

LỊCH PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số 100/QĐ-CTK ngày 09 tháng 12 năm 2024
của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang)

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
A	B	1	2	3	4
A	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG THÁNG				
I	Ấn phẩm				
1	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 01/2025	Ước tính	02/02/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 02/2025	Ước tính	02/03/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
3	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 4/2025	Ước tính	02/5/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 5/2025	Ước tính	02/6/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 7/2025	Ước tính	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
6	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 8/2025	Ước tính	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
7	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 10/2025	Ước tính	02/11/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
8	Báo cáo kinh tế - xã hội tháng 11/2025	Ước tính	02/12/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
II	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
1	Tình hình sản xuất nông nghiệp				
1.1	Sản xuất nông nghiệp tháng 01	Ước tính	02/02/2025	Website và ấn	Phòng Thống kê Kinh tế

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
				phẩm	
1.2	Sản xuất nông nghiệp tháng 02	Ước tính	02/03/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.3	Sản xuất nông nghiệp tháng 3	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.4	Sản xuất nông nghiệp tháng 4	Ước tính	02/5/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.5	Sản xuất nông nghiệp tháng 5	Ước tính	02/6/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.6	Sản xuất nông nghiệp tháng 6	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.7	Sản xuất nông nghiệp tháng 7	Ước tính	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.8	Sản xuất nông nghiệp tháng 8	Ước tính	02/9/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.9	Sản xuất nông nghiệp tháng 9	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.10	Sản xuất nông nghiệp tháng 10	Ước tính	02/11/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.11	Sản xuất nông nghiệp tháng 11	Ước tính	02/12/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.12	Sản xuất nông nghiệp tháng 12	Ước tính	02/01/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2	<i>Sản xuất thủy sản</i>				
2.1	Sản xuất thủy sản tháng	Ước	02/02/2025	Website	Phòng Thống

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	01	tính		và ấn phẩm	kê Kinh tế
2.2	Sản xuất thủy sản tháng 02	Ước tính	02/03/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.3	Sản xuất thủy sản tháng 3	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.4	Sản xuất thủy sản tháng 4	Ước tính	02/5/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.5	Sản xuất thủy sản tháng 5	Ước tính	02/6/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.6	Sản xuất thủy sản tháng 6	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.7	Sản xuất thủy sản tháng 7	Ước tính	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.8	Sản xuất thủy sản tháng 8	Ước tính	02/9/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.9	Sản xuất thủy sản tháng 9	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.10	Sản xuất thủy sản tháng 10	Ước tính	02/11/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.11	Sản xuất thủy sản tháng 11	Ước tính	02/12/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.12	Sản xuất thủy sản tháng 12	Ước tính	02/01/2026	Website và ấn	Phòng Thống kê Kinh tế

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
				phẩm	
3	<i>Chỉ số sản xuất công nghiệp</i>				
3.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 01	Ước tính	02/02/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.2	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 02	Ước tính	02/03/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.3	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 3	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.4	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 4	Ước tính	02/5/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.5	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 5	Ước tính	02/6/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.6	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 6	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.7	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7	Ước tính	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.8	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 8	Ước tính	02/9/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.9	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 9	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.10	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10	Ước tính	02/11/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.11	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11	Ước tính	02/12/2025	Website và ấn	Phòng Thống kê Kinh tế

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
				phẩm	
3.12	Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12	Ước tính	02/01/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4	<i>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ</i>				
4.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 01	Ước tính	02/02/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 02	Ước tính	02/03/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 3	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.4	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 4	Ước tính	02/5/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 5	Ước tính	02/6/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.6	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 6	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.7	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 7	Ước tính	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.8	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 8	Ước tính	02/9/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.9	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 9	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.10	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 10	Ước tính	02/11/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
4.11	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 11	Ước tính	02/12/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4.12	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 12	Ước tính	02/01/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
5	<i>Chỉ số giá tiêu dùng</i>				
5.1	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 01	Chính thức	02/02/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.2	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 02	Chính thức	02/03/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.3	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 3	Chính thức	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.4	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 4	Chính thức	02/5/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.5	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 5	Chính thức	02/6/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.6	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6	Chính thức	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.7	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 7	Chính thức	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.8	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8	Chính thức	02/9/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.9	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 9	Chính thức	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.10	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 10	Chính thức	02/11/2025	Website và ấn	Phòng Thu thập thông

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
				phẩm	tin
5.11	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11	Chính thức	02/12/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
5.12	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12	Chính thức	02/01/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thu thập thông tin
6	<i>Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước</i>				
6.1	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 01	Ước tính	02/02/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.2	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 02	Ước tính	02/03/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.3	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 3	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.4	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 4	Ước tính	02/5/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.5	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 5	Ước tính	02/6/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.6	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 6	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.7	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 7	Ước tính	02/8/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.8	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 8	Ước tính	02/9/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.9	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 9	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.10	Vốn đầu tư thuộc ngân	Ước	02/11/2025	Website	Phòng Thống

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	sách nhà nước tháng 10	tính		và ấn phẩm	kê Kinh tế
6.11	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 11	Ước tính	02/12/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6.12	Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước tháng 12	Ước tính	02/01/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
B	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG QUÍ				
I	Ấn phẩm				
1	Báo cáo kinh tế - xã hội quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Website	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Báo cáo kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
3	Báo cáo kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
II	Hệ thống chỉ tiêu thuộc chỉ tiêu cấp tỉnh				
1	<i>Chỉ số sản xuất công nghiệp</i>				
1.1	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.2	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý II/2025	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
1.3	Chỉ số sản xuất công nghiệp quý III/2025	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2	<i>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ</i>				
2.1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
2.2	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn	Phòng Thống kê Kinh tế

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
	quí II/2025			phẩm	
2.3	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ quý III/2025	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3	<i>Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội</i>				
3.1	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội I/2025	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.2	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội II/2025	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
3.2	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội III/2025	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
4	<i>Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh</i>				
4.1	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh quý I/2025	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4.2	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh quý II và 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4.3	Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh quý III và 9 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	<i>Doanh thu vận tải, kho bãi</i>				
5.1	Doanh thu vận tải, kho bãi quý I năm 2025	Ước tính	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
5.2	Doanh thu vận tải, kho bãi quý II năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
5.3	Doanh thu vận tải, kho bãi quý III năm 2025	Ước tính	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Kinh tế
6	<i>Tai nạn giao thông</i>				

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
6.1	Tai nạn giao thông quý I năm 2025	Sơ bộ	02/4/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Xã hội
6.2	Tai nạn giao thông quý II năm 2025	Sơ bộ	02/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Xã hội
6.3	Tai nạn giao thông quý III năm 2025	Sơ bộ	02/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Xã hội
C	CÔNG BỐ ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM				
I	Ấn phẩm				
1	Tờ gấp số liệu Thống kê kinh tế - xã hội chủ yếu 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	06/7/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
2	Thông cáo báo chí kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	06/7/2025	Website, ấn phẩm và hợp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
3	Niên giám thống kê năm 2024	Sơ bộ	15/10/2025	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
4	Thông báo tình hình kinh tế - xã hội năm 2025	Ước tính	06/01/2026	Website và ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
5	Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2024	Sơ bộ	15/4/2025	ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
II	Chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu cấp tỉnh				
01	Dân số và mật độ dân số	Chính thức 2023 và sơ bộ năm 2024	Tháng 10/2025	Website, ấn phẩm	- Phòng Thống kê Tổng hợp - Phòng Thống kê xã hội
		Ước	02/01/2026		

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
		tính năm 2025			
02	Lực lượng lao động	Chính thức 2023 và sơ bộ năm 2024	10/2024	Ấn phẩm	Phòng Thống kê xã hội
03	Lao động có việc làm trong nền kinh tế	Chính thức 2023 và sơ bộ năm 2024	10/2024	Ấn phẩm	Phòng Thống kê xã hội
04	Năng suất lao động xã hội	Chính thức 2023 và sơ bộ năm 2024	10/2024	Ấn phẩm	Phòng Thống kê Tổng hợp
05	Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội	Chính thức 2023 và sơ bộ năm 2024	10/2024	Ấn phẩm	Phòng Thống kê kinh tế
06	Giá trị sản phẩm thu hoạch trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2024	Chính thức	30/11/2024	Website, ấn phẩm	Phòng Thống kê kinh tế
07	Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Website, ấn phẩm và hợp	Phòng Thống kê Tổng hợp

ST T	Tên thông tin thống kê	Mức độ hoàn chỉnh	Thời gian phổ biến	Hình thức phổ biến	Đơn vị liên hệ
				báo	
08	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn 6 tháng đầu năm 2025	Ước tính	02/7/2025	Website, ấn phẩm và họp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
09	Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2025 (ước tính lần 1)	Ước tính	02/7/2025	Website, ấn phẩm và họp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
10	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2024 (ước tính năm lần 1)	Ước tính	02/7/2025	Website, ấn phẩm và họp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
11	Tốc độ phát triển tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2024 (ước tính năm lần 2)	Ước tính	02/12/2025	Website, ấn phẩm và họp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp
12	Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2024 (ước tính năm lần 2)	Ước tính	02/12/2025	Website, ấn phẩm và họp báo	Phòng Thống kê Tổng hợp

Ghi chú: Nếu lịch công bố thông tin trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ sẽ dời sang ngày tiếp theo.